

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 113/QĐ-KTKT, ngày 01 tháng 3 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ)*

Tên ngành: BẢO VỆ THỰC VẬT

Mã ngành: 6620115

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy/Vừa làm vừa học

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Cao đẳng chuyên ngành Bảo vệ thực vật được xây dựng để đào tạo cán bộ kỹ thuật có trình độ cao đẳng có kiến thức và kỹ năng về Bảo vệ thực vật, có thái độ lao động nghiêm túc, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe tốt, nắm vững các kiến thức và có kỹ năng thực hiện tốt các nhiệm vụ đã được đào tạo; có khả năng làm việc tại các thành phần kinh tế, các tổ chức sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Sinh viên hiểu và giải thích được đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực quản lý nông nghiệp, hoạt động sản xuất về vật tư nông nghiệp của các thành phần kinh tế

- Sinh viên có hệ thống kiến thức cơ bản về giống cây trồng, dinh dưỡng cây trồng, phương pháp chăm sóc các cây trồng chủ lực của vùng.

- Nhận diện được các loài dịch hại gây hại cho cây trồng và sự hiện diện của quần thể thiên địch trong điều kiện thực tế từ đó đề xuất các biện pháp quản lý thích hợp nhằm ngăn chặn sự xâm nhập, lây lan của các tác nhân gây hại.

- Nắm vững các kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề nghiệp để tổ chức sản xuất trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ những cây trồng chủ lực; phân tích hiệu quả kinh tế trong sản xuất từ đó mang lại lợi nhuận cao nhất có thể trên một đơn vị diện tích canh tác ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

1.2.2. Kỹ năng:

Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, biết cách nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ cây trồng;

Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học để hướng dẫn cho nông dân biết cách canh tác hiệu quả trên cánh đồng, góp phần nâng cao nhu nhập, từ đó cải thiện đời sống, bộ mặt nông thôn Việt Nam.

Có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ và mở rộng kiến thức nhằm thích nghi với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Xây dựng cho sinh viên đạo đức trong công việc, có ý thức trách nhiệm, nghiêm túc và nhiệt tình với nghề nghiệp. Rèn luyện tính cẩn thận, chăm chỉ và lòng yêu ngành, yêu nghề.

- Tạo cho sinh viên sự tự tin trong công việc chuyên môn.

1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Bảo vệ thực vật có khả năng làm việc tại các cơ sở sau:

- Các nông trường, trạm trại nông nghiệp.
- Phòng nông nghiệp quận, huyện
- Các Trung tâm, chi cục, trạm Bảo vệ thực vật.
- Các cơ sở kinh doanh các sản phẩm liên quan đến sản xuất nông nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 37

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 80 tín chỉ (không kể học phần Công tác xã hội 01 tín chỉ)

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ (20 TC)

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1440 giờ (60 TC)

- Khối lượng lý thuyết: 540 giờ

- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm: 900 giờ

3. Nội dung chương trình:

3.1 Danh mục và thời lượng các môn học:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
CMC301	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 1	2	30	20	8	2
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC401	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 2	2	45	16	27	2
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CMC108	Giáo dục Chính trị 1	2	30	20	8	2
CMC109	Tiếng Anh 1	2	45	15	28	2
CMC205	Giáo dục Chính trị 2	2	45	21	21	3
CMC207	Tiếng Anh 2	3	75	27	44	4
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
CXH101	Công tác xã hội	1	45		45	
II	Các môn học chuyên môn	60	1440	504	862	74
II.1	Môn học cơ sở	<u>10</u>	<u>180</u>	<u>112</u>	<u>57</u>	<u>11</u>
CBV201	Sinh lý thực vật	2	30	28	0	2
CBV103	Hóa sinh thực vật	2	30	28	0	2
CBV102	Giống cây trồng	2	30	28	0	2

CBV101	Dinh dưỡng cây trồng	2	30	28	0	2
CBV202	Thực hành cơ sở	2	60	0	57	3
II.2	Môn học chuyên môn	<u>41</u>	<u>975</u>	<u>336</u>	<u>598</u>	<u>41</u>
CBV308	Côn trùng đại cương	2	30	28	0	2
CBV309	Bệnh cây đại cương	2	30	28	0	2
CBV203	Hóa bảo vệ thực vật	3	60	28	29	3
CBV204	Cây lương thực	2	30	28	0	2
CBV310	Cây ăn quả	2	30	28	0	2
CBV303	Cây công nghiệp	2	30	28	0	2
CBV305	Cây rau	2	30	28	0	2
CBV411	Côn trùng chuyên khoa	3	60	28	29	3
CBV410	Bệnh cây chuyên khoa	3	30	28	29	3
CBV403	Hệ thống canh tác	2	30	28	0	2
CBV312	Thực hành chuyên ngành 1	2	60	0	58	2
CBV409	Thực hành chuyên ngành 2	1	30	0	29	1
CBV405	Sinh lý sau thu hoạch	2	30	28	0	2
CBV505	Phương pháp NCKH trong BVTV	2	30	28	0	2
CBV504	Thực hành nghề nghiệp 1	2	60	0	58	2
CBV506	Thực hành nghề nghiệp 2	2	60	0	58	2
CBV507	Thực tập doanh nghiệp 1	4	180	0	176	4
CBV601	Thực tập doanh nghiệp 2	3	135	0	132	3
II.3	Môn học tự chọn	<u>4</u>	<u>60</u>	<u>56</u>	<u>0</u>	<u>4</u>
CBV501	Động vật hại nông nghiệp	2	30	28	0	2
CBV404	Khuyến nông trong BVTV	2	30	28	0	2
CBV408	Xử lý ra hoa	2	30	28	0	2
CBV502	Sinh thái môi trường	2	30	28	0	2
II.4	Thực tập tốt nghiệp	<u>5</u>	<u>225</u>		<u>225</u>	
CKL5555	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	220	5
Tổng cộng		80	1875	661	1117	97

Cần Thơ, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG